TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HS-ST
Ngày 08 - 01 - 2026

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Út.

2. Bà Nguyễn Lê Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh năm 1982 tại Khánh Hòa (cũ là Ninh Thuận). Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Trọng T1 (đã chết) và bà Lê Thị G; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

- Tiền án:

+ Ngày 20/01/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

+ Ngày 25/01/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Nhân thân:

+ Ngày 02/7/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

+ Ngày 10/4/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 40 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 26/10/2004, bị Tòa án nhân dân thị xã Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 06/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 31/12/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 26/9/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 26/8/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 05/6/2025, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 31/7/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam S - Bộ C (có mặt).

- Bị hại: Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Phan Văn M, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Lê Thanh T nảy sinh ý định đi tìm nhà người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Vào khoảng 02 giờ 40 phút ngày 10/5/2025, T đi bộ từ nhà trọ của mình thuê ở tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hóa dọc theo đường bê tông để trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà bà Phạm Thị Ngọc D ở tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa, T nhìn thấy đèn trước nhà sáng, cửa cổng không khóa, trong sân có 01 chiếc xe đạp điện màu đỏ đen đang sạc điện nên T đi vào nhà. Sau khi quan sát thấy mọi người trong nhà đã ngủ, T đi đến chỗ để xe đạp điện trên xe có sẵn chìa khóa, T dắt xe ra ngoài đường rồi mở khóa và điều khiển xe về phòng trọ của T cất giấu.

Chiều ngày 11/5/2025, T nhờ ông Nguyễn Hữu T2 đi thế chấp xe đạp điện lấy tiền tiêu xài. Ông T2 đem chiếc xe đạp điện đến các cơ sở cầm đồ trên địa bàn thị trấn K để cầm cố nhưng không ai nhận. Sau đó, một người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi mua xe, ông T2 đồng ý và bán chiếc xe đạp điện trên với giá 2.200.000 đồng. Sau đó, ông T2 đưa toàn bộ số tiền đã bán xe cho T.

Bà D sau khi phát hiện bị mất xe đạp điện nên đã đến Công an phường Đ trình báo. Qua đoạn video trích xuất từ camera an ninh của nhà bà D, lực lượng Công an đã xác định được Lê Thanh T là người đã thực hiện hành vi trộm cắp xe

đạp điện nên đã mời T về trụ sở làm việc và T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P-T kết luận: 01 xe đạp điện màu đỏ, đen (không rõ nhãn hiệu) đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt vào ngày 10/5/2025 có giá trị là 6.000.000 đồng.

Về thu giữ, tạm giữ đồ vật: Thu giữ 01 đoạn video được trích xuất từ hệ thống camera của nhà bà Phạm Thị Ngọc D có thời lượng 02 phút 15 giây, lưu trữ vào đĩa DVD-R 4.7GB 16X, đã niêm phong và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bà D yêu cầu T bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. T đồng ý bồi thường nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa bồi thường.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà D trình bày: Về hình phạt bà D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Về bồi thường dân sự: Bà D đề nghị Tòa án ghi nhận việc bị cáo T đồng ý bồi thường cho bà D số tiền 6.000.000 đồng, ngoài ra bà D không có yêu cầu gì khác.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-KV5 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo thừa nhận diễn biến sự việc xảy ra như nội dung cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của Bản án này với Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000 đồng.

Bị cáo không trình bày tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo bị bệnh nặng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo căn cứ vào khoản 1 Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 02 giờ 40 phút ngày 10/5/2025, tại nhà bà Phạm Thị Ngọc D ở tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa bị cáo Lê Thanh T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe đạp điện màu đỏ, đen của bà D trị giá 6.000.000 đồng. Bị cáo T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa truy tố bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên phải xử lý nghiêm minh.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị kết án, bị cáo đang chấp hành án về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do đó Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình mức án phù hợp cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo T đang phải chấp hành Bản án số 03/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án (trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 26/3/2025 đến ngày 04/4/2025). Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Phạm Thị Ngọc D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền

trên cho bà D. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường của bị cáo và bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đĩa DVD-R ghi lại hình ảnh bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xe đạp điện màu đỏ, đen do bị cáo đã nhờ T2 bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch), Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Đối với ông Nguyễn Hữu T2 đã có hành vi đưa xe đạp điện mà bị cáo T trộm cắp được bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch), khi T đưa xe để ông T2 đi bán thì ông T2 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý ông T2 là có cơ sở.

[8] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa về việc định tội và định khung hình phạt; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 03 (ba) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án này. Buộc bị cáo Lê Thanh T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 Bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 18/11/2025 (khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 26/3/2025 đến ngày 03/4/2025).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc: Bị cáo Lê Thanh T đồng ý bồi thường cho bà Phạm Thị Ngọc D số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/01/2026); bị hại vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệu